TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH AN GIANG** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** _____

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày 03 tháng 01 năm 2020
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trịnh Văn Bé;
2. Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang***: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 757/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 595/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phạm Trường H**, sinh năm 1970
Cư trú: ấp 6, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. .(Có đơn xin vắng mặt).
2. Bị đơn: Bà **Phan Thị X**, sinh năm 1979.
Cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn ông Phạm Trường H trình bày: Ông và bà X chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn, hôn nhân do tự tìm hiểu. Vợ chồng chung sống đến tháng 3/2019 thì phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống cho đến nay. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, hay cự cãi. Nay tình cảm không còn ông xin ly hôn với bà Phan Thị X.

- Về quan hệ con chung: Không có.
- Về quan hệ tài sản chung: Không có.
- Về quan hệ nợ chung: Không có.

* Bị đơn: bà Phan Thị X đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa

giải nhưng bà X không gửi văn bản cũng như không tham gia các phiên hòa giải nên Tòa án không ghi nH được ý kiến của bà X về yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trường H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* bị đơn bà Phan Thị X đã được tống đạt các Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng hôm nay bà X vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà X là đúng theo quy định của pháp luật. Ông Phạm Trường H có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28.11.2019 do đi làm ăn xa không có điều kiện đến Tòa án tham gia phiên xét xử.

Ông Phạm Trường H xin ly hôn với bà Phan Thị X. Bà X có nơi cư trú tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* ông Phạm Trường H, bà Phan Thị X xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống mâu thuẩn ngày càng trầm trọng, hiện tại tình cảm hôn nhân giữa ông H, bà X không thể tồn tại. Hội đồng xét xử xét thấy mối quan hệ vợ chồng giữa ông H, bà X không thể hàn gắn được, mâu thuẩn phát sinh ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vì vậy, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Trường H xin ly hôn với bà Phan Thị X là phù hợp được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về quan hệ con chung*: Không có.

- *Về quan hệ tài sản chung*: ông H trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- *Về quan hệ nợ chung*: ghi nhận ông H trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông H, bà X trong thời kỳ hôn nhân thì ông H, bà X vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213 273 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trường H

2. *Về quan hệ hôn nhân:* ông Phạm Trường H ly hôn với bà Phan Thị X.

3. *Về quan hệ con chung:* Không có.

4. *Về quan hệ tài sản chung*: ông H trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về quan hệ nợ chung: ghi nhận ông H trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông H, bà X trong thời kỳ hôn nhân thì ông H, bà X vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

6. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: ông H phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm là 300.000^{đ} (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^{đ} (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0013507 ngày 28.8.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Ông H đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Phạm Trường H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Phan Thị X được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Quang Thanh

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Chợ Mới, ngày 03 tháng 01 năm 2020

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về vụ án: Tranh chấp "Xin ly hôn", giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ông **Phạm Trường H**, sinh năm 1970.

Cư trú: ấp 6, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

+ Bị đơn: Bà **Phan Thị X**, sinh năm 1979.

Cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thiện Lai;
2. Ông Trịnh Văn Bé.

NỘI DUNG

Sau khi thảo luận, biểu quyết Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 tất cả các nội dung sau:

Căn cứ:

Áp dụng:

- Các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213 273 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trường H

2. *Về quan hệ hôn nhân:* ông Phạm Trường H ly hôn với bà Phan Thị X.

3. *Về quan hệ con chung:* Không có.

4. *Về quan hệ tài sản chung*: ông H trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về quan hệ nợ chung: ghi nhận ông H trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông H, bà X trong thời kỳ hôn

nhân thì ông H, bà X vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

6. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: ông H phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm là 300.000^{đ} (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^{đ} (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0013507 ngày 28.8.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Ông H đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Trịnh Văn Bé

Hoàng Thị Thiện Lai **Trần Quang Thanh**

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Trịnh Văn Bé

Hoàng Thị Thiện Lai **Trần Quang Thanh**